

Số: /BC-SKHCN

Hưng Yên, ngày tháng năm

BÁO CÁO
**Kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý I năm 2023,
phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2023**

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh Hưng Yên: số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025; số 204/KH-UBND ngày 23/12/2022 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-SKHCN ngày 05/01/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023;

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về Kế hoạch Cải cách hành chính:

Sở KH&CN đã xây dựng và ban hành các Kế hoạch: số 04/KH-SKHCN ngày 24/01/2022 về Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025; số 02/KH-SKHCN ngày 05/01/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023. Trên cơ sở đó, Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng nhiệm vụ được phân công.

2. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản của Trung ương và của Tỉnh về công tác CCHC: Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy xác nhận thông tin cư trú khi thực hiện TTHC; Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 17/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; Công văn 3260/UBND-NC ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ

luật, kỉ cương trong cơ quan hành chính nhà nước; Công văn số 59/UBND-NC ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ,... Trong đó, đẩy mạnh thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy chế, nội quy cơ quan, quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, phòng, đơn vị trong chấp hành kỷ luật, kỉ cương hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỉ cương hành chính; văn hóa công sở; xây dựng kế hoạch và lịch tiếp công dân định kỳ theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạt động của cơ quan.

b) Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn liên quan, Sở KH&CN đã ban hành văn bản chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; công chức, viên chức, người lao động nâng cao ý thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực thi công vụ nói chung và triển khai có hiệu quả công tác CCHC, cải cách TTHC nói riêng: Công văn số 23/SKHHCN-VP ngày 16/01/2023 về triển khai Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; số 134/SKHHCN-VP ngày 10/3/2023 về thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; số 147/SKHHCN-VP ngày 13/3/2023 về phối hợp thực hiện, tiếp nhận và giải quyết TTHC có yêu cầu sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy xác nhận thông tin cư trú trong giải quyết TTHC... nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở.

3. Về kiểm tra Cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 23/12/2022 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023, Sở đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-SKHHCN ngày 05/01/2023 về kiểm tra CCHC và nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2023 với mục đích: Rà soát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, kết luận và chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; Kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ CCHC năm 2023; giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực CCHC đã xác định trong kế hoạch của UBND tỉnh và của Sở đã ban hành; Kiểm tra nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trong việc tăng cường thực hiện công tác CCHC tại các phòng, đơn vị được giao thực hiện; Thông qua kiểm tra để đánh giá những mặt mạnh, những tồn tại, hạn chế để đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng công tác CCHC của Sở.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2023, Sở đã xây dựng Kế hoạch số 03/KH-SKHHCN

ngày 05/01/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Quyết định số 39/QĐ-SKHHCN ngày 19/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch Truyền thông kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2023 trong giải quyết TTHC với các nội dung chính như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các văn bản của Trung ương, của tỉnh đã ban hành liên quan đến công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền công tác xây dựng, tham mưu văn bản QPPL lĩnh vực khoa học và công nghệ; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác cải cách hành chính trong việc góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuyên truyền về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, phòng chuyên môn trong chỉ đạo, thực hiện công tác CCHC theo quy định... Các hình thức tuyên truyền thông qua họp giao ban định kỳ của cơ quan, đơn vị; trên Cổng thông tin điện tử của Sở và trên Bản tin Khoa học và Công nghệ; tuyên truyền trên Đài PTTH, Báo Hưng Yên, các tổ chức quảng cáo truyền thông có chức năng phù hợp. Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử, thường xuyên cập nhật, đăng tải tin bài về CCHC, cải cách TTHC, công khai đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định về TTHC, dịch vụ công trực tuyến cổng dịch vụ công tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, tìm hiểu thông tin.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành

Trong quý I năm 2022, Sở KH&CN đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 27/12/2022 Kế hoạch kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2023; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 về việc phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên năm 2023.

Thực hiện Công văn số 3493/UBND-KGVX ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Sở KH&CN đã xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo các Quyết định của UBND tỉnh về ban hành phương thức và ủy quyền tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh gửi xin ý kiến các Sở: Tài Chính, Nội vụ, Tư pháp (*theo Công văn số 102/SKHHCN-VP ngày 23/02/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ*). Tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị và hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Quyết định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật

Chỉ đạo các phòng, đơn vị tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ. Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-

UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch theo dõi, thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở đã xây dựng, ban hành Quyết định số 37/QĐ-SKHHCN ngày 19/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023 đảm bảo có trọng tâm trọng điểm, sát với tình hình thực tế của ngành; tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần ổn định tình hình chính trị trong toàn ngành, thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 14/KH-SKHHCN ngày 22/01/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023. Thường xuyên cập nhật, đăng tải nội dung các văn bản thuộc lĩnh vực KH&CN trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Trong kỳ báo cáo, 100% văn bản quy phạm pháp luật và văn bản triển khai thực hiện về lĩnh vực KH&CN được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của sở tại địa chỉ www.khcnhungyen.gov.vn để toàn bộ công chức, viên chức, người lao động thuận lợi tra cứu, tìm hiểu góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực KH&CN.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản QPPL

Căn cứ Kế hoạch số 200/KH-UBND 16/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở đã xây dựng, ban hành Kế hoạch số 64/KH-SKHHCN ngày 30/12/2022 về việc xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023. Đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tiến hành rà soát, thống kê các văn bản quy phạm pháp luật do Sở tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ, kịp thời phát hiện mâu thuẫn, chồng chéo, hiệu lực, tính phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kiểm soát thủ tục hành chính

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2023, Sở KH&CN xây dựng và ban hành Quyết định số 38/QĐ-SKHHCN ngày 19/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2023 trong giải quyết TTHC lĩnh vực KH&CN. Chỉ đạo phòng tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Trong kỳ báo cáo, Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở thường xuyên rà soát, cập nhật Quyết định của Bộ KH&CN về việc thay thế, sửa đổi, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ để kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định Công bố danh mục TTHC

thay thế, sửa đổi, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh nhằm chuẩn hóa, công khai danh mục TTHC và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khai thác, thực hiện giao dịch.

2.2. Về công khai thủ tục hành chính

Sở tiếp tục duy trì việc công khai thủ tục hành chính, việc niêm yết các thủ tục hành chính được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục hành chính,...

- Trên cơ sở quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở đã thực hiện công khai 51 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng TTĐT của Sở tại địa chỉ: <http://khcnhungyen.gov.vn> và được kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên tại địa chỉ <https://dichvucong.hungyen.gov.vn>;

Trong kỳ báo cáo, Sở không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với công tác giải quyết hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở

2.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở: 51 thủ tục. Trong đó, 51/51 TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; số TTHC cung cấp mức độ 4 là 16/51 thủ tục; số TTHC cung cấp ở mức độ 3 là 09/51 thủ tục, và số TTHC cung cấp ở mức độ 2 là 26/51 thủ tục (do không phát sinh hồ sơ từ năm 2018 đến nay, Sở đề nghị chuyển từ mức độ 3 xuống mức độ 2 để phục vụ công tác số hóa TTHC sau này);

Tiến hành đăng ký TTHC tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo tỷ lệ trên 50% theo quy định. Tính đến hiện tại, tổng số TTHC của Sở tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia là 44/51 thủ tục; 04 thủ tục đang tích hợp và 03 thủ tục không tích hợp được (do tính đặc thù của thủ tục);

Triển khai Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Sở đã áp dụng quy trình nội bộ điện tử giải quyết TTHC và tiến hành cập nhật dữ liệu điện tử kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa phục vụ công tác số hóa sau này theo Kế hoạch và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh. Theo đó, trong kỳ báo cáo, 100% kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở được cập nhật dữ liệu điện tử trên phần mềm một cửa của tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở; rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

Hiện nay, Sở KH&CN hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKH&CN ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh

về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên. Hiện tại cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu tổ chức bộ máy như sau:

a. Lãnh đạo Sở

b. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở

- Văn phòng (bao gồm công tác pháp chế và kế hoạch - tài chính);
- Thanh tra;
- Phòng Quản lý Khoa học;
- Phòng Quản lý Công nghệ và thị trường công nghệ;
- Phòng Quản lý Chuyên ngành.

c. Tổ chức hành chính trực thuộc Sở: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

d. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

đ. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ.

3.2. Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 12/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 về việc tạm giao biên chế công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các sở, ban, ngành tỉnh năm 2023; số 33/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 về việc tạm giao biên chế sự nghiệp và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh năm 2023. Sở đã ban hành Quyết định giao biên chế công chức, tạm giao biên chế sự nghiệp và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP đến từng phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở (các Quyết định số 23, 24, 25/QĐ-SKHCHN ngày 09/01/2023); đồng thời chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế được giao; tổ chức sắp xếp, bố trí sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo đúng quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a. Về biên chế hành chính: Tổng số biên chế công chức được giao 38 biên chế, trong đó:

- Cơ quan Sở: 26 biên chế; hiện có mặt: 26 biên chế.
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 12 biên chế; hiện có mặt: 12 biên chế.

b. Về số lượng người làm việc: Tổng số lượng người làm việc được giao: 32 người, trong đó:

- Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ: 16 người, hiện có mặt 12 người, còn thiếu 04 người.

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 16 người (05 lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và 12 người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp); hiện có mặt 15 người; còn thiếu 02 người.

c. Về lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 05 người, trong đó:

- Cơ quan Sở: 03 người

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 01 người

- Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ: 01 người

d. Thực hiện quy định về tinh giản biên chế

- Tổng số biên chế được giao năm 2015: 43 biên chế

- Tổng số biên chế được giao năm 2022: 38 biên chế

- Số biên chế đã tinh giảm: 05 biên chế (tỷ lệ 11,6%).

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ

Chỉ đạo, quán triệt các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nghiêm Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên. Việc phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức, cán bộ đã nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan được phân cấp, ủy quyền; đặc biệt đối với các lĩnh vực thực hiện thường xuyên, định kỳ như: quy hoạch, bổ nhiệm, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức. Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên, Sở tiến hành rà soát, sắp xếp kiện toàn cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo đúng quy định; thực hiện nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức được Sở thực hiện đúng quy trình, đầy đủ, kịp thời.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Sở Khoa học và Công nghệ đã bố trí công chức, viên chức và người lao động theo đúng vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: số 2770/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên chế công chức và lao động hợp đồng của Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm

việc và lao động hợp đồng của Trung tâm Thông tin, Thống kê, Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025.

Thực hiện các Quyết định trên, Sở đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-SKHHCN ngày 22/4/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc Quy định sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm của công chức, người lao động thuộc Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 90/ QĐ-SKHHCN ngày 28/4/2022 về việc Ban hành Quy định sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm của công chức và lao động hợp đồng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2022-2025; chỉ đạo Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành các Quyết định Quy định sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm của viên chức và lao động hợp đồng thuộc 02 Trung tâm giai đoạn 2022-2025.

4.2. Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

Trong Quý I, Sở đã phối hợp với Sở Nội vụ tuyển dụng 11 viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của Sở đảm bảo đúng quy định.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động

Việc nâng lương, khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều được thực hiện công khai, dân chủ nên đã tạo được sự đồng thuận cao trong nội bộ cơ quan, không có trường hợp nào khiếu nại. Trong quý I, Sở đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-SKHHCN ngày 17/02/2023 về điều động, luân chuyển công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Sở năm 2023; thực hiện quy trình chuyển công tác cho 01 công chức.

4.4. Việc chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức

Công chức, viên chức và người lao động của Sở luôn chấp hành nghiêm các quy định, quy chế về chế độ trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, phong cách lối sống, quy tắc ứng xử, văn hóa nơi công sở; thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế trong cơ quan, cụ thể hóa trách nhiệm vừa từng cá nhân, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm cấp dưới phục tùng cấp trên, chỉ đạo và chấp hành nghiêm các quyết định của cấp trên; thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, đơn vị. Qua đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm và việc chấp hành của cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong việc giao tiếp, ứng xử với nhân dân, đồng

nghiệp và trong thi hành công vụ, tạo nét đẹp văn hóa nơi công sở, góp phần vào việc xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, chính quyền trong sạch vững mạnh.

4.5. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Sở đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 (Kế hoạch số 58/KH-SKHCN ngày 15/9/2022). Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức năm 2023, nhằm tạo điều kiện cho công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ. Sở đã đăng ký danh sách công chức tham gia các lớp bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính năm 2023 gửi Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh; đăng ký nhu cầu bồi dưỡng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2023 gửi Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

5. Cải cách tài chính công

- Công tác cải cách tài chính công tiếp tục được thực hiện, bám sát yêu cầu tại Công văn số 363/STC-HCSN ngày 08/4/2022 của Sở Tài chính Hưng Yên về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân sách trên địa bàn tỉnh. Việc lập, thẩm định dự toán được thực hiện bám sát quy định của Bộ Tài chính và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn định mức hiện hành của Nhà nước, của tỉnh. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, kém hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết quan trọng và khả năng triển khai thực hiện; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

- Việc giao, phân bổ, công khai dự toán thu chi ngân sách năm 2023 đảm bảo đúng nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật. Công tác thanh toán, quyết toán chi NSNN đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ định mức hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 27/QĐ-SKHCN ngày 16/01/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ.

- Công tác tổ chức tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2023 được tổ chức thực hiện công khai. Trình tự tổ chức công tác tuyển chọn từ xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tổ chức tuyển chọn, thẩm định được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của tỉnh. Việc lập, thẩm định dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên. Qua thẩm định, tổng kinh phí dự toán sau thẩm định giảm so với đề xuất của đơn vị 10-15%. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện bám sát với tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng nguyên tắc, hồ sơ theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên năm 2023 với tổng số 50 nhiệm vụ. Trong đó: 10 nhiệm vụ được áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, 40 nhiệm vụ được áp dụng phương thức khoán chi từng phần. Việc áp dụng cơ chế khoán chi giúp các Ban chủ nhiệm đề tài chủ động, phát huy tối đa hiệu quả trong công tác

ngiên cứu. Tính đến thời điểm hiện tại, Sở đã tiến hành xét duyệt dự toán và cấp kinh phí đợt I thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức tại cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước: Đảm bảo 05/05 đơn vị (02 đơn vị hành chính, 03 đơn vị sự nghiệp) xây dựng, ban hành và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Việc xây dựng, ban hành quy chế được thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục; công khai, minh bạch và phát huy vai trò của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tiếp tục ban hành theo phân cấp hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; Không phát sinh hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện, kiểm tra định mức, tiêu chuẩn chế độ quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Sở đã ban hành các Kế hoạch: số 16/KH-SKHHCN ngày 18/02/2021 về ứng dụng Công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 – 2025; số 27/KH-SKHHCN ngày 21/3/2022 về chuyển đổi số trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 33/KH-SKHHCN ngày 01/3/2023 về phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ.

Phối hợp và hoàn thành thực hiện chằm Chỉ số đánh giá chuyển đổi số tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2022 theo hướng dẫn quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. Triển khai chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản đi đến; duy trì và thường xuyên đăng tải bài viết lên Cổng thông tin điện tử của Sở.

Quý I năm 2023, Sở đã tiếp nhận 114 hồ sơ TTHC (tiếp nhận trong kỳ 111 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang 03 hồ sơ), đã giải quyết 113 hồ sơ, 01 hồ sơ đang giải quyết (trong hạn). Trong đó, 104 hồ sơ giải quyết ở mức độ 3; 06 hồ sơ giải quyết ở mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn đạt tỷ lệ 100%.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2023

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 2918/UBND-PVHCC&KSTT ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, tham mưu xây dựng và trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành; tiếp tục rà soát các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở KH&CN; tham mưu chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính ban

hành mới, thay thế hoặc bãi bỏ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp với quy định và tình hình thực tế của tỉnh.

3. Đẩy mạnh công tác hiện đại hóa nền hành chính theo hướng ứng dụng CNTT trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nền hành chính. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng (100% văn bản trừ văn bản mật được ký số điện tử) và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Công văn số 2283/UBND-PVHCC&KSTT ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 204/KH-UBND ngày 23/12/2022 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2023 và các văn bản hướng dẫn chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành.

6. Xây dựng kế hoạch kiểm tra CCHC tại các phòng, đơn vị theo nội dung kế hoạch đã ban hành. Thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát, công bố, công khai TTHC. Đẩy mạnh tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện giải quyết TTHC theo quy trình nội bộ điện tử và quy trình ISO điện tử của Sở đã ban hành. Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng dẫn quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, VP^{XT}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Hải

Phụ lục**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**(Kèm theo báo cáo số: /BC-SKHCHN ngày /3/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC	Kế hoạch	01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	01/07	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	25	
1.2.	Kiểm tra CCHC và nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công	Kế hoạch	01	
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Quý III, IV năm 2023
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		01	Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá chỉ số CCHC tỉnh Hưng Yên năm 2022 theo yêu cầu

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				của Sở Nội vụ (Công văn số 16/SKHCV-VP ngày 11/1/2023)
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	18	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	13	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	51	
	Số TTHC các sở, ban, ngành:	Thủ tục	0	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	51	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến		25	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		51	
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0/51	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	12/51	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ghi rõ số lượng)	%		Thực hiện báo cáo tại Sở Tài nguyên và Môi trường, cấp huyện, cấp xã (Cấp huyện báo cáo cho cấp xã)
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ghi rõ số lượng)	%		Thực hiện báo cáo tại Sở Xây dựng, cấp huyện, cấp xã (Cấp huyện báo cáo cho cấp xã)
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số phòng chuyên môn trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	05	
4.1.2.	Số ban, chi cục, trung tâm trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	03	01 Trung tâm trực thuộc Chi cục
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do sở, ban, ngành tham mưu thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	Chỉ báo cáo các tổ chức vẫn đang hoạt động (VD: Ban Chỉ đạo, Đoàn kiểm tra...)
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành	Cơ quan, đơn vị	02	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	38	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	38	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	04	Hợp đồng theo Nghị định 68
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,6%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	32	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	27	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ phần trăm đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số phòng chuyên môn và tương đương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị	07	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị	02	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	11	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	Cấp huyện báo cáo nội dung này
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	kỷ luật.			
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến			
7.2.1	Hệ thống hợp trực tuyến	Chưa có = 0 Đã có = 1	1	
7.2.2	Liên thông từ UBND cấp huyện đến 100% cấp xã	Chưa hoàn thành = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	Thực hiện báo cáo trên hệ thống phần mềm báo cáo UBND tỉnh; Bộ KH&CN và Văn phòng Chính phủ (Báo cáo KS TTHC)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.	Số lượng tin, bài về nội dung công tác cải cách hành chính được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	37	
7.4.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		969	Văn bản đến: 667, Văn bản đi: 302
7.4.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối =1	1	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
7.4.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	302	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	95	291 văn bản ký số
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	5	
7.5.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được nhập số liệu hoàn toàn trên phần mềm	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã nhập 100% hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
7.6.	Dịch vụ công trực tuyến		51	
7.6.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	09	
7.6.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	16	
7.6.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	92	
7.6.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	8	